TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đăng Khoa.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Khắc Vũ.
- Bà Mai Thị My.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Thế Trường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2022/TLST - HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mai T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn chị Lê Thị Mai T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mai T và anh Bùi Thanh T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được thời gian 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không cùng quan điểm sống, anh T không làm tròn trách nhiệm với gia đình. Mặc dù hai

bên đã ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung. Nay nhận thấy không còn tình cảm với anh Tuấn nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị T và anh T có với nhau 01 đứa con chung là: Bùi Lê Anh T, sinh ngày 14/6/2021. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và các khoản nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/8/2022 bị đơn anh Bùi Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung như lời trình bày của chị T là đúng. Trong quá trình vợ chồng tôi chung sống thì có mâu thuẫn với nhau nên chị T đã bỏ nhà đi. Nay chị T yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý vì lý do con chúng tôi đang còn quá nhỏ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý để chị T nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung thì chúng tôi tự thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T; cần giao con chung là Bùi Lê Anh T cho chị Tân trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung thì chị T và anh T đều không yêu cầu yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Mai T và anh Bùi Thanh T là vợ chồng. Do mâu thuẫn trong quá trình chung sống, nên chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị không tiến hành hòa giải, anh H đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Chị T và anh Tuấn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị Mai T và anh Bùi Thanh T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 12/5/2021. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lối sống của hai người không còn phù hợp với nhau.

Chị T yêu cầu được ly hôn, anh T không đồng ý vì con còn nhỏ. Nhận thấy, chị T và anh T không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, hai người đã ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người. Vì vậy, để giải phóng sự ràng buộc giữa hai người cần cho chị T ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh T có với nhau 01 con chung là Bùi Lê Anh T sinh ngày 14/6/2021. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi; anh T cũng đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn; mặt khác, cháu T còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, để đảm bảo sự chăm sóc và phát triển về mọi mặt của cháu T, cần giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị T, anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập, xem xét.

[5] Về án phí dân sự: Cần buộc chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mai T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mai T được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Lê Anh T, sinh ngày 14/6/2021 cho chị Lê Thị Mai T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Bùi Thanh T có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai

được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Mai T và anh Bùi Thanh T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập, xem xét. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Lê Thị Mai T và anh Bùi Thanh T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập, xem xét.

5. Về án phí dân sự: Chị Lê Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2021/0010570 ngày 25/7/2022.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mai T và anh Bùi Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
-UBND xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo tỉnh Đắk Lắk (Số ĐKKH 41, ngày 12/5/2021);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa